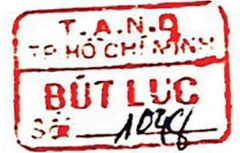


S Nam



1

**VỤ ÁN THỤ LÝ SỐ 02/2021/KDTM-PT NGÀY 05/01/2021 CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỀ VIỆC “ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN
HÀNG HÓA”, GIỮA :**

NGUYÊN ĐƠN : CÔNG TY TNHH PHÁT HÀNH SÁCH SÀI GÒN

Địa chỉ : 474-476 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật : Ông Lương Vĩnh Kim

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp : LS Phùng Thanh Sơn - Công ty Luật TNHH Thế
giới luật pháp & LS Đoàn Khắc Độ

BỊ ĐƠN : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI- TƯ VẤN-KỸ THUẬT SAO NAM

Địa chỉ 543/49 Nguyễn Đình Chiểu , Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Vũ Ân Khoa và Bà Mai Thị Thủy Dương

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: LS Đỗ Đức Vân Hồng – CÔNG TY LUẬT TNHH
RAJAH&TANN LCT & LS TRẦN HẢI ĐỨC

NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI NGHĨA VỤ LIÊN QUAN:

1/ CÔNG TY TNHH Kónica Minolta Business Solutions Việt Nam

Địa chỉ: Phòng 3, lầu 8, Tòa nhà Bitexco Financial tower, số 2 Đường Hải Triều, Phường Bến
Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Ngọc Linh Lan và Bà Nguyễn Thị Thanh Ngọc

**NGƯỜI BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP: LS CHÂU HUY QUANG - CÔNG TY
LUẬT TNHH RAJAH & TANN LCT**

2/ CÔNG TY TNHH MTV CHO THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG Á CHÂU

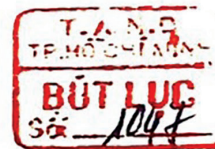
Địa chỉ: Lầu 9, ACB Tower, số 444A - 446 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức Thiệp

**BẢN LUẬN CỨ CỦA LUẬT SƯ BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CHO
CÔNG TY TNHH TM - TV - KT SAO NAM**

Tại Phiên Tòa Xét Xử Phúc Thẩm ngày 26/5/2021

LUẬT SƯ ĐỖ ĐỨC VÂN HỒNG



THƯA QUÝ TÒA

Tôi LS ĐỖ ĐỨC VÂN HỒNG, theo yêu cầu của Công ty TNHH TM - TV - KT Sao Nam, là bên có kháng cáo một phần Bản án Sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Ba.

Tôi xin trình bày những ý kiến của mình về các sự việc, tình tiết, yêu cầu và chứng cứ của các bên cũng như những nhận định, quan điểm và cách giải quyết của các cấp Tòa án trong vụ án; cụ thể đối với Bản án sơ thẩm số 439/2016/KDTM-ST ngày 19/04/2016 của Tòa án nhân dân Quận Ba (từ đây viết là Án ST), Bản án phúc thẩm số 1106/2016/KDTM-PT ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (từ đây viết là Án PT; Quyết định Kháng nghị số 50/2020/KN-KDTM ngày 22/9/2020 (từ đây viết tắt là QĐKNĐT) của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định Giám đốc thẩm số 49/2020/KDTM-GĐT (từ đây viết tắt là QĐGĐT) ngày 06/11/2020 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", giữa các đương sự như đã nói trên.

Thưa Hội đồng xét xử (từ đây viết tắt là HĐXX) và Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (từ đây viết tắt là KSV)

I. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ ÁN (có thể không trình bày lại)

(1) Bản án sơ thẩm đã được HĐXX công bố tại phiên tòa, tôi xin phép không nhắc lại.

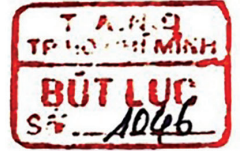
(2) Ngày 28/04/2016, Sao Nam đã kháng cáo một phần Án ST, lý do là nhận định và quyết định của Án ST về xuất xứ hàng hóa dẫn đến việc tuyên Hợp đồng mua bán tài sản số 03.12.14/HĐMB-SG ngày 27/12/2014 (từ đây viết tắt là HĐ03) và PLHĐ 01 ngày 27/12/2014 (từ đây viết tắt là PL 01) vô hiệu do nhầm lẫn, là không xem xét thấu đáo, toàn diện, còn bỏ sót các tình tiết chứng cứ khác, việc áp dụng các quy định của pháp luật còn có điểm không chính xác, dẫn đến nhận định và quyết định mà Sao Nam cho là không thỏa đáng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Sao Nam.KMV cũng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, còn SGB kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

(3) Ngày 22/09/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (từ đây viết tắt là TANDTPHCM) đã xét xử và ban hành Bản án số 1106/2016/KDTM-PT, sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của SGB.

(4) Ngày 22/09/2020, Chánh án TANDCC tại TP.HCM ban hành Quyết định 50/2020/KM-KDTM, kháng nghị GĐT đối với Án PT, đề nghị TANDCC tại TP. HCM xét xử GĐT, hủy Án PT, giao hồ sơ cho TAND TP. HCM xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật, tạm đình chỉ thi hành Án PT cho đến khi có QĐGĐT. **QĐKN nhân định cần làm rõ, thu thập chứng cứ khi xét xử phúc thẩm lại, những vấn đề bao gồm về giá, giảm giá, xuất xứ hàng hóa, bảo hành, dịch vụ click charge và chất lượng máy. Về chất lượng máy cần phải trưng cầu chất lượng máy có đảm bảo đúng như các bên thỏa thuận trong HĐ hay không, từ đó mới có cơ sở xác định Sao Nam có vi phạm HĐ hay không.**

(5) Ngày 06/11/2020, UBTP TANDCC tại TP. HCM ban hành QĐGĐT số 49/2020/KDTM-GĐT:

- Chấp nhận kháng nghị số 50/2020/KN-KDTM ngày 22/09/2020 của Chánh án TANDCC tại TP. HCM;



- Hủy BAPT số 1106/2016/KDTM-PT (22/09/2016) của TAND TP. HCM;
- Giao hồ sơ vụ án cho TAND TP. HCM xét xử phúc thẩm lại.

Do vậy, ngoài phần trình bày ý kiến bao gồm các nội dung kháng cáo đối với Án ST, tôi thấy cần thiết làm rõ những nội dung phát sinh từ quá trình tố tụng GĐT của TANDCC tại TP. HCM.

Thưa HĐXX và KSV:

II. VỀ CÁC YÊU CẦU KHỞI KIẾN CỦA SGB:

Trong Đơn khởi kiện ngày 10/11/2015, SGB khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố toàn bộ Hợp đồng 038, Hợp đồng MB03 và Phụ lục 01 bị vô hiệu do bị lừa dối, và yêu cầu SN cùng KMV có trách nhiệm liên đới trả lại tiền và bồi thường thiệt hại cho SGB, cụ thể như sau::

a) Hoàn trả cho SGB tiền mua máy là 3.409.111.200đ;

B) Bồi thường các khoản thiệt hại:

-Tiền lãi theo lãi suất 11,5%/năm tính theo HĐ 038, HD903 và ký khế ước nhận nợ theo ba đợt. Tính đến ngày 10/11/2015 là $\{[(511.366.680đ \times 385 \text{ ngày}) + (1.897.511.294đ \times 310 \text{ ngày}) + (1.022.733.360đ \times 220 \text{ ngày})] \times (11,5\%/365 \text{ ngày})\} = 318.252.579đ$.

-Phí bảo hiểm máy C1100 = 22.500.134đ;

-Phí trả nợ trước hạn = 23.038.000đ;

-Tiền mua lại tài sản = 9.902.000đ

Tổng cộng = 3.782.803.913đ;

Trừ đi khấu hao tính trên 225.771đ click charge được ghi nhận theo đồng hồ hiện nay và trên cơ sở giá thị trường máy C1100 là 1.700.000.000đ (1.700.000.000 /20.000.000 click charge) x 225.771 click charge = 19.190.535đ, còn lại SN và KMV liên đới trả là 3.763.613.378đ.

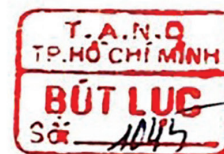
Tôi có các ý kiến phân tích đánh giá như sau về yêu cầu của SGB, về các chứng cứ chứng minh và các quy định pháp luật điều chỉnh.

1/ Về yêu cầu của SGB yêu cầu Tòa tuyên bố HĐ038 bị vô hiệu do lừa dối:

Theo quy định tại Điều 127 BLDS 2005: GDDS không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 122 của bộ luật này thì vô hiệu.

Điều 122-Điều kiện có hiệu lực của GDDS: GDDS có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự;
- b) Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- c) Người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện.



Tôi cho rằng các bên trong các HĐ038 hay HĐ03 và các phụ lục đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và hoàn toàn tự nguyện.

- SN đã cung cấp hợp đồng nháp trước khi hai bên đi đến ký kết hợp đồng chính thức, bằng chứng là thư điện tử ngày 17/10/2014. Như vậy, kể từ ngày 17/10/2014 cho đến khi ký kết Hợp đồng HĐ038 vào ngày 20/10/2014, ông Kim đã có 3 ngày, đủ thời gian để nghiên cứu nội dung trước khi ký kết Hợp đồng một cách tự nguyện.

- Ngày 20/10/2014 SGB và SN đã ký HĐ038, cùng ngày SGB đã thanh toán cho SN khoản tiền thanh toán đợt một là 511.366.680đ theo thỏa thuận tại điều 3.2 của HĐ038.

- Do thiếu tiền thanh toán đợt hai cho SN theo thỏa thuận tại HĐ038, SGB với sự đồng ý của SN, SGB đã yêu cầu ACBL cấp tín dụng bằng hình thức ký HĐCTTC giữa ACBL và SGB .

- Ngày 27/12/2014 ba bên gồm bên mua là ACBL, bên bán là SN và bên sử dụng máy là SGB đã cùng nhau ký HĐ03 và PL-01 do ACBL soạn thảo. Theo điều 3.2 của PL-01 Hợp đồng HĐ03 ký ngày 27/12/2014 giữa ACBL - Sao Nam - SGB, xác định “HĐ này (tức là HĐ03 và PL 01) thay thế HĐKT 038/HĐKT-14 ngày 20/10/2014 giữa bên SN và bên SGB, đồng thời chuyển số tiền 511.366.680VND mà SGB đã thanh toán cho bên SN ngày 20/10/2014 của HĐ038 nói trên sang làm số tiền thanh toán đợt 1 theo quy định tại điều 2.2 của HĐ này”(HĐ03).

- Như vậy, về mặt ý chí các bên đã thỏa thuận thay thế Hợp đồng HĐ038 bằng Hợp đồng số HĐ03 và PL-01, các điều khoản về quyền, nghĩa vụ của SGB và SN tại HĐ038 đã được chuyển toàn bộ sang HĐ03 và PL-01, các bên đã thống nhất rằng HĐ038 không còn tồn tại và không có hiệu lực; Nội dung mà SN và SGB thỏa thuận và phần đã thực hiện tại Hợp đồng HĐ038 được chuyển sang Hợp đồng HĐ03 và PL-01, nên các Tòa cấp ST, PT và KNQĐGĐT của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM đều xác định Hợp đồng HĐ038 không còn giá trị pháp lý. Tòa ST xử không chấp nhận yêu cầu này của SGB là có căn cứ, cũng phù hợp với nhận định của QĐGĐT.

- **Riêng QĐGĐT nhân định:** “từ đầu Sao Nam đã không trung thực trong giao kết hợp đồng với SGB. Vì vậy SGB khởi kiện yêu cầu tòa án tuyên Hợp đồng HĐ038 vô hiệu do lừa dối là hoàn toàn có căn cứ. Mặt khác giao dịch mua bán giữa Sao Nam và SGB đã bị vô hiệu do lừa dối ngay từ thời điểm giao kết nhưng tòa án cấp ST không tuyên bố Hợp đồng HĐ038 vô hiệu là thiếu sót”.

- Tôi cho rằng Hợp đồng HĐ038 không còn tồn tại, không còn hiệu lực thì hành các bên đã thỏa thuận chuyển toàn bộ nội dung liên quan đối tượng mua bán, nghĩa vụ thanh toán, quyền và nghĩa vụ của SN, SGB sang HĐ03, nên không thể xem xét 02 hợp đồng khi có nội dung như nhau về quyền và nghĩa vụ của Sao Nam và SGB; Việc này là không cần thiết, vì nếu có giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu cũng không ảnh hưởng gì khác đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên khi giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán máy in C1100 giữa các bên; Chỉ cần xem HĐ038 như những tình tiết khi xem xét, đánh giá chứng cứ trong vụ án là phù hợp.

2/ SGB yêu cầu Tòa án tuyên bố HĐ03 và PL 01 vô hiệu toàn bộ; SGB đã nêu ra những vi phạm của SN & KMV, SGB cho rằng SN và KMV đã có những hành vi lừa dối SGB khi giao kết, thực hiện HĐ038, HĐ03 và PL 01



Những cáo buộc của SGB đối với SN và KMV có các hành vi lừa dối :

2.1 Theo quy định của BLDS 2005 tại Điều 132-GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU DO BỊ LỪA DỐI:

“ Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó là vô hiệu.

Lừa dối trong giao dịch là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó”.

Vậy SN hoặc KMV có những hành vi cố ý lừa dối SGB như các cáo buộc của SGB về các vấn đề mà SGB nêu ra không?

SGB căn cứ vào đâu cho rằng SN cũng như KMV đã có những hành vi cố ý làm cho SGB hiểu sai lệch về chủ thể, về nội dung hợp đồng, về máy in C1100, và rất nhiều cáo buộc liên tục của SGB nhằm vào KMV và SN ?

2.2 Thứ nhất là lừa dối về thời hạn bảo hành:

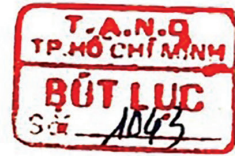
- Theo Bảng Báo giá 128 ngày 14/10/2014 của SN gửi cho SGB về thời hạn bảo hành của máy in C1100, có thời hạn bảo hành là 36 tháng;

- Tại HĐ038, tuy tại Điều VII về thời hạn bảo hành ghi thời hạn bảo hành là 12 tháng, nhưng tại điều IX của HĐ038 về hiệu lực HĐ có nội dung thời hạn bảo hành là 36 tháng; vậy là có thiếu sót trong khâu soạn thảo HĐ, khi cùng trong 1 HĐ038 lại có hai quy định về thời hạn bảo hành khác nhau là 12 tháng và 36 tháng; Cho thấy từ khi báo giá đến khi ký kết HĐ038, SN không có cố ý hay hành vi lừa dối SGB về thời hạn bảo hành như cáo buộc của SGB.

- **Án ST khi nhân định không xem xét đến chứng cứ này, gây bất lợi cho SN.** Mặc dù Án ST đã nhận định: “Nhu vậy có thể khẳng định thời hạn bảo hành tại điều 4 của HĐ03 và điều 7 của HĐ038 có sai sót về lỗi đánh máy. Tại phiên tòa sơ thẩm, SN, KMV có thừa nhận sai sót và cam kết thực hiện bảo hành máy là 36 tháng. Như vậy sai sót này đã được các bên khắc phục, nên không là lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu do bị lừa dối như SGB đã yêu cầu”. Việc thừa nhận sai sót chỉ là sau khi giao kết và thực hiện HĐ, chỉ là hành vi vi phạm HĐ, không phải là hành vi lừa dối.

Án phúc thẩm khi nhân định cũng không xem xét đến quy định bảo hành là 36 tháng tại Điều IX của HĐ038 này, nhưng cũng đã nhân định: “...mặc dù thời hạn bảo hành thể hiện tại HĐ03 là 12 tháng, nhưng căn cứ bảng báo giá 128 thể hiện thời gian bảo hành máy là 36 tháng. Sao Nam thừa nhận đây là sai sót về lỗi kỹ thuật văn bản, không ảnh hưởng nội dung bảo hành là 36 tháng, thực tế SN không có động thái nào từ chối việc bảo hành máy in C1100 trong thời gian bảo hành và SGB cũng không có ý kiến gì về thời hạn bảo hành trong suốt thời gian ký kết, nghiệm thu bàn giao tài sản nên lời trình bày của SN phù hợp Điều 49 Luật Thương Mại”>>> (Nghĩa vụ bảo hành hàng hóa).

- **QĐKNGĐT thì nhận định:** “Theo quy định tại Điều 4 HĐ03 và Điều 7 HĐ038 thì thời hạn bảo hành máy C1100 ghi trong HĐ là 12 tháng. Tuy nhiên theo quy định của Công ty Konica Minolta



Việt Nam, thì thời hạn bảo hành đối với máy in C1100 là 36 tháng, việc này đã được Công ty Sao Nam và Công ty Konica Minolta Việt Nam thừa nhận. Công ty Sao Nam cho rằng đây là lỗi sai sót về đánh máy và đã tự khắc phục bằng cách thông báo cho Công ty phát hành sách về việc này. Do đó cần phải làm rõ việc khắc phục về lỗi này vào thời điểm nào, trước hay sau khi các bên tranh chấp, từ đó mới có cơ sở xác định lỗi này là do sai sót trong việc soạn thảo hợp đồng hay do Công ty Sao Nam cố ý ghi giảm thời hạn bảo hành để hưởng lợi từ việc bảo hành”.

Qua đó cho thấy QĐKNGĐT cũng bỏ sót chứng cứ là tại Điều IX của HĐ038 giữa Sao Nam và SGB cũng đã ghi nhận thời hạn bảo hành là 36 tháng, cũng như không quan tâm đến vì sao đến HĐ03 thì thời hạn bảo hành chỉ ghi nhận là 12 tháng.

- **QĐGĐT nhận định:** ”Tại khoản 4 điều II của HĐNPP quy định tất cả sản phẩm Konica Minolta sẽ được giao kèm phiếu đăng ký bảo hành, khách hàng dùng cuối phải đăng ký với KMV. Tuy nhiên khi bán máy in C1100, SN không giao phiếu bảo hành của nhà sản xuất cho SGB. Theo KMV và SN thừa nhận thời hạn bảo hành đối với máy in C1100 là 36 tháng, nhưng tại HĐ038 và HĐ03 chỉ ghi thời hạn bảo hành 12 tháng là vi phạm thời hạn bảo hành. Như vậy, việc SN không giao phiếu bảo hành, cố ý giảm thời hạn bảo hành từ 3 xuống còn 1 năm để hưởng lợi 2 năm bảo hành còn lại là vi phạm Điều 445, Điều 446 BLDS 2005>>> Nghĩa vụ bảo hành, Quyền yêu cầu bảo hành.

Qua đó cho thấy QĐGĐT cũng không nhận thấy điều IX của HĐ038 - Hiệu lực hợp đồng quy định là “HĐ có hiệu lực kể từ ngày bên A (SN) nhận được tiền đợt 1 của bên B (SGB) cho đến hết thời hạn bảo hành máy (36 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu) thời hạn bảo hành là 36 tháng tính từ thời điểm nghiệm thu”, cũng như vì sao HĐ03 do ACBL soạn thảo chỉ ghi nhận thời hạn bảo hành là 12 tháng, để rồi UBTP Tòa CC tại TPHCM đã quy trách nhiệm cho SN **cố ý** giảm thời hạn bảo hành cho SGB, một hành vi cố ý mà SN không hề có cho đến trước khi ký vào HĐ03 so ACBL soạn thảo theo hồ sơ do SGB cung cấp, mà SN đã sơ suất khi ký vào vì nghĩ rằng mọi điều khoản của HĐ03 không thay đổi so với HĐ038, vì cả ba bên cũng không có một thỏa thuận thay đổi nào khác về việc thay đổi thời hạn bảo hành. Việc QĐ GĐT nhận định SN cố ý giảm thời hạn bảo hành rõ ràng là không có căn cứ, không đúng sự thật với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Khác với những nhận định của QĐKN là chứng cứ hồ sơ chưa rõ. Thực tế UBTP đã không tiến hành thu thập thêm chứng cứ gì khác, ngoài việc căn cứ vào các hành vi trong đơn thư khiếu nại do SGB lập và gửi đến Tòa cấp cao cũng như trên các trang mạng xã hội. UBTP của Tòa cấp cao đã nhận định như trên, là những nhận định mà chúng tôi cho rằng dứt khoát sẽ tạo áp lực không hề nhỏ, dù không có căn cứ, lên HĐXX trong phiên tòa phúc thẩm hôm nay, trực tiếp làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của SN và KMV;

Tóm lại, tôi muốn trình bày với HĐXX, với KSV và mọi người rằng SN không cố ý thay đổi thời hạn bảo hành để trục lợi với SGB cho đến khi ký kết HĐ038 với SGB; SN chỉ có lỗi sơ suất trong việc soạn thảo HĐ038, khi trong HĐ038 có hai điều khoản liên quan thời hạn bảo hành, có thời hạn khác nhau là 12 tháng và 36 tháng. SN không có hành vi cố ý giảm thời hạn bảo hành như cáo buộc của SGB là SN đã lừa dối họ. Chính SN cũng còn thừa nhận sơ suất của mình với SGB trong khi thực tế chính SN không hoàn toàn có sai sót đó, và là sự thay đổi khác đó (thời hạn bảo hành) không xuất phát từ hành vi cố ý từ SN.



Lưu ý là khi SGB không đủ điều kiện thanh toán đợt 2, SGB yêu cầu và Sao Nam đồng ý để SGB thanh toán bằng cách: SGB liên hệ và yêu cầu ACBL cấp tín dụng thông qua Hợp đồng CTTC số 03.12.14/HĐCTTC-SG (từ đây là HĐ CTTC 03) ký giữa ACBL và SGB ngày 27/12/2014. Tại HĐCTTC 03 Điều 1.2 bảo hành: ghi là theo HĐMBTS.

Việc soạn thảo hợp đồng HĐ03 (03.12.14/HĐMB-SG): Khi ACBL soạn thảo Hợp đồng CTTC và HĐ03 & PL 01 thì mới xuất hiện yếu tố khác về thời hạn bảo hành so với Bảng Báo giá 128 và Hợp đồng 038 về thời hạn bảo hành. Thời hạn bảo hành trong HĐ03 và PL 01, chỉ ghi 12 tháng. *Vậy ai là người chịu trách nhiệm về những thông tin về bảo hành có sự thay đổi này?*

ACBL tại các phiên tòa ST, phúc thẩm đều xác nhận ACBL là bên soạn thảo HĐCTTC và HĐ03, điều này phù hợp vì HĐCTTC là HĐ phải được ACBL soạn thảo trước do chỉ liên quan giữa ACBL và SGB, và là cơ sở cho ACBL đứng tên mua máy in theo HĐ03 giữa ba bên.

Vậy thông tin về nhà cung ứng và hàng hóa trong HĐ03 do bên nào cung cấp khi ACBL soạn thảo HĐCTTC và HĐMBHH?

Tại phiên tòa Phúc thẩm ngày 20/4/2021 Người đại diện SGB cho rằng có những cuộc trao đổi tay đôi giữa SGB-SN, ACBL-SN và ACBL-SGB về việc cung cấp thông tin về Hàng hóa. Chúng tôi hiểu rằng HĐ038 bị thay thế bởi HĐ03 với các điều khoản điều kiện không thay đổi, nhưng trong ghi nhận về thời hạn bảo hành đã có thay đổi từ 36 tháng trong bảng báo giá và 12 tháng, cùng 36 tháng trong HĐ038 đã chuyển thành 12 tháng trong HĐ03. Sự thay đổi thông tin này phải có sự thỏa thuận thống nhất của SN. SN không thừa nhận có bất kỳ sự thỏa thuận thay đổi nào. Lời trình bày của SGB là có trao đổi thỏa thuận bằng lời nói nhưng SN không thừa nhận, *vậy thông tin thay đổi này từ đâu mà ra?*

Theo Hợp đồng CTTC số 03 về Quyền của bên thuê (SGB), điều 10.1.1: "Lựa chọn, thỏa thuận với bên cung ứng tài sản về đặc tính kỹ thuật, chủng loại, giá cả, cách thức và thời hạn giao nhận, lắp đặt và bảo hành tài sản cho thuê";

Điều 10.2.1 Nghĩa vụ của bên thuê: "Bên thuê có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thuê tài chính,... và theo điều 10.2.5-"Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp..." và theo điều 10.2.9-"Chịu trách nhiệm về sự lựa chọn, thỏa thuận nêu tại điểm 1.1 khoản 1 điều này";

- Nghị định 39/2014/NĐ-CP (ban hành ngày 07/05/2014, có hiệu lực từ ngày 25/06/2014) thì bên thuê mua phải chịu trách nhiệm các thông tin về nhà cung ứng về hàng hóa, ACBL có trách nhiệm lập hồ sơ thẩm định khi xem xét theo yêu cầu của SGB; quy trình thẩm định về đặc tính kỹ thuật, chủng loại, giá cả, các tài liệu, chứng từ cần phải có theo quy trình thẩm định của ACBL.

Quy trình cấp tín dụng cho Hợp đồng CTTC thì ACBL phải thẩm định tài sản yêu cầu cấp tín dụng, ký Hợp đồng CTTC với SGB, sẽ thể hiện thông tin được ghi trong Hợp đồng HĐ03, Hợp đồng CTTC, BBBGTS, BBTLHĐ giữa SGB – ACBL.

Những thông tin về bảo hành từ 36 tháng thành 12 tháng, chắc chắn không có sự thương lượng, thay đổi, quyết định nào từ Sao Nam, mà là do bên soạn thảo hợp đồng và bên chịu trách nhiệm cung cấp thông tin là SGB. Sao Nam không cung cấp thông tin gì khác ngoài việc có sơ suất không



kiểm tra kỹ HĐ03 và PL01 trước khi ký vào Hợp đồng HĐ03 – Ba bên. Và sau đó, dù không có lỗi, không hề có ý lừa dối về bảo hành, Sao Nam vẫn xác định thời hạn bảo hành là 36 tháng. Nhưng SGB vẫn khởi kiện cho rằng Sao Nam đã lừa dối thời hạn bảo hành để trục lợi.

(Tại email ngày 24/07/2015, SN đã thông báo điều chỉnh thời hạn bảo hành là 36 tháng)

Sao Nam không có ý tưởng trục lợi khi hợp đồng HĐ03 thay đổi thời hạn bảo hành, vì từ đầu đến cuối SN vẫn xác nhận trách nhiệm bảo hành trong thời hạn 36 tháng từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

Sao Nam đã có thông báo xác nhận lại cho SGB thời hạn bảo hành là 36 tháng, và giao giấy chứng nhận bảo hành máy cho SGB sau khi nghiệm thu vào tháng 4/2015, nhưng SGB muốn trả máy và tranh chấp, nên Sao Nam chưa thể giao giấy chứng nhận bảo hành. Thực tế Sao Nam cũng đã tiến hành bảo hành cho SGB máy này vào ngày 24.7.2015.

(Căn cứ theo biên bản sửa chữa bảo hành ngày 24/07/2015)

Qua các phân tích nêu trên, SN tự nhận thấy mình không có bất kỳ hành vi cố ý nào lừa dối SGB về thời hạn bảo hành để trục lợi. Chúng tôi chỉ sơ suất khi ký hợp đồng HĐ03 thay thế hợp đồng HĐ038, mà nội dung HĐ03 do ACBL và SGB thỏa thuận soạn thảo.

Tuy nhiên nếu có sự sai sót khi soạn thảo hợp đồng, thì cũng không thể coi là có hành vi lừa dối để trục lợi về điều khoản bảo hành cả; SGB tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai cũng phải thừa nhận ~~hệ~~ rằng đó không phải là vấn đề lớn; Việc SGB do ông Kim cho rằng ông Linh của KMV xác định ông Chung SN làm sai là không có căn cứ; vì ông Chung không làm sai. Trong chính sách bảo hành của KMV với nhà phân phối SN cũng đã xác định, nhà phân phối chịu trách nhiệm về bảo hành với khách hàng của mình thay mặt cho KMV trong những nội dung bảo hành thuộc phạm vi trách nhiệm của KMV. SN chưa bao giờ từ chối việc bảo hành thời hạn 36 tháng theo thỏa thuận đối với SGB.

(Việc bảo hành, xét cho cùng là sự việc xảy ra trong tương lai, sau khi máy đã được nghiệm thu, trên thực tế SGB chưa bị thiệt hại về bảo hành trong thời gian thực hiện hợp đồng HĐ03, nên điểm này không phải là căn cứ để cho rằng SN lừa dối bảo hành dẫn đến hợp đồng vô hiệu)

Việc SGB cáo buộc SN hay cả KMV lừa dối SGB về thời hạn bảo hành là những cáo buộc không có căn cứ, không có thực.

2.3. VỀ XUẤT XỨ HÀNG HÓA

Tại Bảng Báo giá 128 Sao Nam ghi thông tin máy in C1100 là hàng nhập khẩu, mới 100% do Konica Minolta sản xuất năm 2014; SGB là doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong lĩnh vực in ấn các loại sách, tất nhiên có tìm hiểu về đối tượng máy, trước khi ký kết hợp đồng HĐ038 với SN. HĐ038 không đề cập đến xuất xứ hàng hóa, chỉ có thông tin hàng nhập khẩu, mới 100% do Konica Minolta sản xuất năm 2014. Chỉ đến khi vì điều kiện tài chính và theo yêu cầu của SGB phải vay tiền của ACB thông qua HĐ CTTC03 và HĐ03 do ACBL soạn khi có các thỏa thuận với SGB, thì mới có thông tin về xuất xứ là Nhật Bản.



Vậy khi soạn HĐ03, ACBL căn cứ vào thông tin từ đâu?. Tôi hiểu rằng thực tế theo quy trình thẩm định CTTC thì ACBL căn cứ vào hồ sơ yêu cầu do SGB gửi đến, lập hồ sơ thẩm định tiến hành thẩm định trước khi ký HĐCTTC hai bên ACBL và SGB, HĐ03 ba bên ACBL, SN và SGB.

ACBL có trách nhiệm thẩm định về những quy định trong HĐ CTTC03, HĐ03.

Theo Nghị định 39/2014/NĐ-CP thì SGB chịu trách nhiệm về nhà cung ứng, về hàng hóa, về các thông tin khác gửi cho ACBL khi yêu cầu cấp tín dụng.

Do vậy, cần xác minh hồ sơ CTTC mà ACBL đang lưu giữ để xác định thông tin này từ đâu mà có. Trong khi thực tế Konica Minolta đã xác định không hề có sản xuất khâu cuối cùng dòng máy này tại Nhật Bản, mà chỉ có khâu lắp ráp sau cùng tại Trung Quốc.

Đại diện theo pháp luật của SGB nhiều lần cho rằng: được Sao Nam và KMV giới thiệu máy in C1100 là máy in của Nhật Bản, và được chuyên gia người Nhật tư vấn nên nhầm tưởng rằng máy in C1100 có xuất xứ từ Nhật Bản.

Máy in C1100 nhãn hiệu Konica Minolta này là thương hiệu Nhật Bản, thuộc sở hữu là tập đoàn Konica Minolta Nhật Bản. Dù khâu lắp ráp sau cùng của máy in này tại nhà máy ở TQ, nhưng nhà máy này thuộc sở hữu nhà đầu tư Nhật bản là Tập đoàn Konica Minolta.

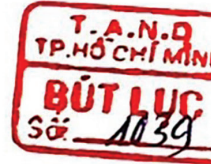
Sao Nam không nói và xác định là máy in C1100 có xuất xứ từ Nhật Bản, chỉ cung cấp thông tin như tại Bảng báo giá 128, HĐ038 giữa SGB và SN không có ý định che giấu hay mập mờ xuất xứ Nhật Bản.

Còn thông tin trong HĐ03, BBBGTS, BBTL là thuộc trách nhiệm của SGB và ACBL khi cung cấp và soạn thảo hợp đồng. Khi thay đổi thông tin xuất xứ này Sao Nam và KMV không được biết và không có lợi khi thay thế thông tin này. SN như đã nói chỉ có sơ suất khi không kiểm tra kỹ hợp đồng đã ký vào. Người hưởng lợi về thông tin xuất xứ chỉ có thể là SGB để được cấp tín dụng, khoản vay cao. Còn ACBL sẽ đảm bảo trách nhiệm cho khoản tín dụng mà lại không chịu trách nhiệm khi kiểm tra hồ sơ cấp tín dụng. SN không có lợi gì vì giá bán cho SGB không thay đổi từ HĐ038 chuyển sang HĐ03 và PL01. SN đã nhận tiền đợt 1, HĐ038 đã có hiệu lực và được hai bên thực hiện một phần.

Khi SGB yêu cầu và được SN cung cấp bộ chứng từ nhập khẩu, mà SGB thừa nhận đã nhận vào tháng 02/2015, có ghi xuất xứ từ Trung Quốc, SGB cũng không có bất kỳ khiếu nại nào về xuất xứ hàng hóa. Khi nhận bàn giao tài sản ngày 30/12/2014, thân máy có ghi nhãn xuất xứ China/Trung Quốc, SGB cũng không hề có khiếu nại nào hay yêu cầu nào với SN, dù SGB biết và phải biết về thông tin này.

Trong lúc bàn giao tài sản, có sự tham gia của đại diện ACBL. ACBL đã chụp hình và dán nhãn tài sản thuộc quyền sở hữu của ACBL, ngay bên trên nhãn hàng hoá của máy (có thể hiện xuất xứ China và số seri của máy) và ACBL không có ý kiến gì.

Đến khi khởi kiện vào 10/11/2015, trong Đơn khởi kiện SGB cũng không có cáo buộc SN vi phạm về xuất xứ Trung Quốc là hành vi lừa dối của Sao Nam. Theo ông Kim trình bày tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/4/2021: "Chỉ đến phiên hòa giải năm 2016 tại tòa sơ thẩm, SGB mới nêu ra thêm vấn đề về xuất xứ để yêu cầu Tòa xem xét, sau khi SGB đã tiến hành thu thập chứng cứ về xuất



xứ China trên thân máy bằng cách yêu cầu thừa phát lại lập vi bằng, theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân quận 3.”

- Thư điện tử ngày 06/02/2015 gửi cho SN, Ông Lương Vĩnh Kim đã viết: ”Ký HĐ mua hai máy mới 100% của hãng Konica Minolta-Máy C1070P và máy C1100; Từ lúc đàm phán cho đến khi ký kết hợp đồng đều thể hiện là chúng tôi mua máy mới từ hãng thông qua đại diện thương mại tại Việt Nam là Sao Nam, nghĩa là khi chúng tôi đặt cọc, Sao Nam mới làm thủ tục nhập khẩu máy từ chính hãng. Các chứng từ nhập khẩu cho thấy C1100 đã làm đúng hợp đồng ...”

Như các tình tiết, sự kiện trên cho thấy ý chí của SGB là mua máy in C1100 của chính Hãng Konica Minolta, mới 100%, các bên lúc có không hề có thỏa thuận gì về máy phải là xuất xứ Nhật Bản hay Trung Quốc. Theo ông Kim thực tế máy C1100 SN đã làm đúng hợp đồng.

Án sơ thẩm cho rằng: ”...tại bản chào giá của Sao Nam gửi cho SGB không ghi rõ xuất xứ máy C1100; KMV là nhà phân phối máy C1100 tại thị trường Việt Nam nhưng KMV cũng không thông tin rõ về xuất xứ máy cho khách hàng. Trước khi thỏa thuận mua bán máy C1100, Sao Nam và KMV chỉ thông tin cho SGB là máy nhập khẩu nhưng không nói rõ xuất xứ hàng hóa là đã vi phạm quy định tại khoản 12 Điều 3, Điều 11 của Nghị Định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.; Tại Điều 11 của NĐ 89 quy định nhãn hàng hóa là nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa, bao gồm:,... C) Xuất xứ hàng hóa.

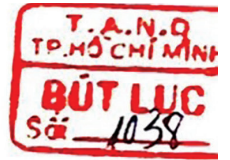
- Nhận định này của Tòa sơ thẩm đầu tiên là đã bỏ qua nguyên tắc cơ bản là tự do, tự nguyện của các bên khi giao kết HĐ.

Sao Nam có vi phạm các quy định về việc không có thông tin xuất xứ hàng hóa là yếu tố bắt buộc về nhãn hàng hóa không?. Theo văn bằng của thừa phát lại đều có ghi nhận trên thân máy C1100 có nhãn hàng hóa, trên nhãn hàng hóa có ghi xuất xứ Trung Quốc, vậy theo quy định này, SN không có vi phạm như Án ST đã nhận định. Vậy pháp luật có buộc các bên phải có thông tin xuất xứ hay nhãn hàng hóa trong các văn bản giao dịch hay hợp đồng không?

Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật thương mại 2005: “*Nhãn hàng hóa là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ hình vẽ hình ảnh được dán, in, dính, đúc, chạm khắc trực tiếp trên hàng hóa bao bì thương phẩm của hàng hóa hoặc trên các chất liệu khác được gắn liền trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa*”, từ quy định này cho thấy nhãn hàng hóa được dán,... trên hàng hóa, bao bì... thể hiện nội dung liên quan đến hàng hóa và theo quy định tại Điều 11 Nghị định 89/2006/NĐ-CP, nhãn hàng hóa phải có thể hiện về xuất xứ hàng hóa.

Căn cứ vào vi bằng do văn phòng thừa phát lại quận Gò Vấp lập ngày 27/01/2016 và các chứng cứ khác của vụ án cho thấy, trên máy in C1100 có dán đầy đủ nhãn hàng hóa và nhãn hàng hóa có thể hiện dòng chữ “Made in China” là nước xuất xứ của hàng hóa, do đó, có thể khẳng định Sao Nam không vi phạm hàng hóa cũng như xuất xứ hàng hóa.

Điều 11 NĐ 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 (có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày đăng công báo) về Nhãn Hàng Hóa, quy định nội dung bắt buộc phải thể hiện về sản phẩm trên nhãn hàng hóa là xuất xứ hàng hóa -> điều này Sao Nam/KMV đã thực hiện đầy đủ và không vi phạm quy định này. Các bằng chứng tại tòa đã xác nhận như trên. Nghị định này chỉ quy định việc ghi nhãn hàng hóa



trên sản phẩm chứ không điều chỉnh các chi tiết nội dung của Hợp đồng HĐ03 giữa Sao Nam với SGB và ABCL. Do đó, Sao Nam không vi phạm Điều 11 Nghị định 89.

Tại khoản 1 Điều 33 Luật thương mại quy định:

“1. Hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu phải có giấy chứng nhận xuất xứ trong các trường hợp sau:

Hàng hóa được hưởng ưu đãi về thuế hoặc ưu đãi khác;

Theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà CHXHCNVN là thành viên.

2. Chính phủ quy định chi tiết về quy tắc hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.”

Theo quy định này luật pháp quy định xuất xứ chỉ bắt buộc cho việc **nhập khẩu và tính thuế và khai báo hải quan**. Luật pháp không quy định xuất xứ là điều kiện bắt buộc trong việc giao kết hợp đồng thương mại. Như vậy, việc ghi xuất xứ trong hợp đồng nếu có chỉ là giao kết, thỏa thuận giữa các bên theo nguyên tắc tự do, tự nguyện quy định tại Điều 11 Luật thương mại. Trong quá trình giao dịch, mua bán cho đến ngày khởi kiện SGB đã không đặt vấn đề về vấn đề xuất xứ như là một điều kiện hợp đồng cũng như không có bất kỳ thông tin về nguồn gốc xuất xứ các loại hàng hóa do Konica sản xuất mà Sao Nam chào bán nên trong quá trình giao dịch thông tin xuất xứ hàng hóa đã không được các bên đề cập hay thể hiện trên các tài liệu giao dịch, cụ thể tại các Bản báo giá 128, Hợp đồng HĐ018 về việc mua máy C1070P, Hợp đồng HĐ038.

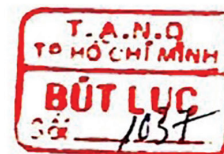
Tại Biên bản nghiệm thu ngày 26/3/2015, SGB cùng với Sao Nam đã nghiệm thu thiết bị. Hai bên đã kiểm tra bằng mắt tình trạng tài sản, xác nhận số seri của máy. Trên nhãn hàng đính kèm trên thân máy thể hiện rõ số seri máy và cạnh đó có dòng chữ “Made in China”. Như vậy SGB không thể không thấy và không biết là máy C1100 có xuất xứ từ Trung Quốc. SGB đã biết nhưng không có bất kỳ khiếu nại về xuất xứ hàng hóa không từ chối nhận hàng mà trên thực tế đã thay mặt ACBL ký nghiệm thu máy C1100 để ACBL thanh toán tiền đợt 3 cho Hợp đồng HĐ03.

Do đó không có cơ sở để xác định Sao Nam không giao hàng phù hợp với hợp đồng. Vì vậy việc HĐXX cấp sơ thẩm kết luận Sao Nam/KMV vi phạm quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa khi bán máy C1100 cho SGB là không có cơ sở, là không đúng với ý chí của đôi bên khi giao kết và thực hiện hợp đồng, thanh lý hợp đồng.

Theo lời khai của ACBL xác nhận là bên soạn thảo hợp đồng và theo các điều khoản của hợp đồng thì SGB là bên chịu trách nhiệm các thông tin về hàng hóa. Tòa quận 3 đã xác nhận lỗi là của ba bên khi ký kết Hợp đồng nhưng ABCL mới chính là bên gây ra sự nhầm lẫn này. Sự nhầm lẫn về xuất xứ là hệ quả của sự nhầm lẫn trước đó giữa ACBL và SGB khi thương thảo và ký HĐ CTTC trong đó thể hiện xuất xứ Nhật Bản để rồi sau đó ACBL đưa nội dung này vào Hợp đồng HĐ03 khi ký với Sao Nam và SGB. Sao Nam phải chịu bất lợi cho việc giải thích HĐ03 hay nói cách khác HĐ03 được giải thích theo hướng có lợi cho bên yếu thế là SN.

Liên quan đến nhận định về xuất xứ hàng hóa,

- QĐKN nhận định: “Tòa cấp sơ thẩm xác định Công ty Sao Nam đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng về xuất xứ hàng hóa nên hợp đồng bị vô hiệu là có căn cứ nhưng do nhầm lẫn” là không chính xác. Việc thông tin xuất xứ hàng hóa trong tài liệu giao dịch hoặc khi ký hợp đồng theo quy định pháp



luật về nhãn hàng hóa là SN không vi phạm như phân tích nêu trên. Việc vi phạm HĐ cho dù chứng minh được nếu có, thì cũng không có hành vi lừa dối hay nhầm lẫn để xác định HĐ03 vô hiệu. Đó là chưa kể QĐKN GĐT cũng không xét đến hoàn cảnh, điều kiện về việc bổ sung thông tin xuất xứ Nhật Bản vào HĐ03 là xuất phát từ đâu và lỗi do bên nào.

- Thực tế Ông Kim xác định SN làm đúng HĐ với máy C1100 trong email ngày 06/02/2015 của Ông Kim gửi cho SN, đã viết: "SGB ký HĐ mua hai máy mới 100% của Hãng KM-Máy C1070P và máy C1100. Từ lúc đàm phán cho đến khi ký kết HĐ đều thể hiện là chúng tôi mua máy mới từ hãng thông qua đại diện thương mại tại VN là SN, nghĩa là khi chúng tôi đặt cọc, SN mới làm thủ tục nhập khẩu máy từ chính Hãng. Các chứng từ nhập khẩu cho thấy C1100 đã làm đúng hợp đồng, ..."

-QĐ GĐT nhận định: "Xuất xứ hàng hóa là 1/3 thông tin định danh, Báo giá 128 và HĐ038 không ghi thông tin là lỗi của Sao Nam". Nhận định này như tôi đã phân tích ở trên, theo quy định của pháp luật là SN không có lỗi về thông tin nhãn hàng hóa, mà đó là theo thỏa thuận tự do, tự nguyện của các bên giao dịch, giao kết HĐ.

QĐGĐT cũng nhận định: "Đến khi ACBL soạn thảo hợp đồng thì bắt buộc ghi xuất xứ vào hợp đồng để làm cơ sở cho việc thẩm định cho SGB vay. Theo Hợp đồng HĐ03, các bên đã thỏa thuận xuất xứ là Nhật Bản. Tuy nhiên, Sao Nam lại bàn giao máy cho SGB thì xuất xứ là Trung Quốc là vi phạm thỏa thuận hợp đồng."

Như đã trình bày ở trên, việc xuất xứ Nhật Bản thể hiện trong HĐ03 là do ACBL tự ý đưa vào và SGB là người cung cấp thông tin, SN không được thông báo về sự thay đổi này. Điều này thể hiện rất rõ tại bản trình bày của SGB gửi Tòa án Tp. HCM ngày 23/3/2021 tại điểm 8 "Đến khi ACBL vào cuộc cho thuê tài chính thì ACBL đòi thông tin xuất xứ để ghi vào Hợp đồng. Tôi đã trả lời với họ là máy có xuất xứ Nhật bản...." điều này khẳng định: chính SGB là người cung cấp thông tin sai lệch về xuất xứ cho ACBL để ghi vào Hợp đồng chứ không phải của Sao Nam

Nhận định của QĐ GĐT thể hiện nhận định mang tính pháp lý đơn thuần, khi không xem xét đến tính khách quan thực tế, nhận định một cách quyết đoán, thế nào là ACBL soạn thảo HĐ thì bắt buộc phải ghi xuất xứ hàng hóa vào HĐ, khi bắt buộc ghi có thông báo và có xác nhận là đúng của SN không, khi các bên thỏa thuận các điều khoản của HĐ038 được chuyển toàn bộ vào HĐ03. QĐGĐT cũng không cân nhắc xem tính phù hợp, khác nhau của các chứng cứ và thực tế khách quan. QĐGĐT không tìm hiểu vì sao thông tin về xuất xứ này không có trong HĐ038 mà lại xuất hiện trong HĐCTTC, HĐ03, mà đã kết luận lỗi cố ý của SN là không xem xét thấu đáo vấn đề, chưa phù hợp với thực tế các tài liệu chứng cứ liên quan khác trong hồ sơ vụ án, như ý chí của SGB khi giao kết HĐ. Việc SGB không hề phản đối khi nhận bộ chứng từ nhập khẩu, khi xem nhãn hàng hóa trên thân máy khi nhận bàn giao máy, email ngày 06/02/2015, khi nghiệm thu máy. SGB cũng không cho rằng Sao Nam vi phạm xuất xứ hàng hóa, ngay cả khi làm đơn khởi kiện SN, là thời điểm theo khoản 2, điều 6 của HĐ03 là HĐ03 đã được thanh lý, ngoại trừ điều khoản về bảo hành.



Tại Phiên tòa phúc thẩm ngày 22/4/2021, ông Kim cho rằng do không ghi xuất xứ hàng hóa trong HĐ, trong bảng báo giá, nên ông Kim cứ đinh ninh là hàng nhập (thì đúng là hàng nhập theo tờ khai hải quan, tờ CO, và như email do ông Kim viết như nêu trên).

Ông Kim còn cho rằng SN & KMV cố ý giấu thông tin xuất xứ, làm cho SGB hiểu đối tượng máy là của Nhật Bản, KMV hay SN có bao giờ nhập nhèm, ốm ở đây là xuất xứ từ Nhật Bản để lừa dối ông Kim không? (SN và KMV không cố ý giấu thông tin, vì thông tin có ghi trên nhãn hàng hóa, trong bộ chứng từ nhập khẩu, trong CO, máy đúng HĐ, đúng của chính hãng Nhật bản là Konica Minolta. Nếu cho rằng không xuất xứ từ Nhật Bản thì không đảm bảo chất lượng thì ông Kim cần chứng minh cụ thể. Thực tế là dòng máy này được xuất xứ từ China, vẫn được Konica Minolta xuất bán cùng lúc tại Châu Âu, Bắc Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ và ngay cả Nhật Bản.

Cũng tại phiên tòa PT lần thứ 2, Ông Kim cho rằng thiệt hại về xuất xứ không lớn như giá, chi gây tức giận về tinh thần, bị lừa nên tức. Nhưng như trên đã phân tích, ông Kim không chứng minh SN đã có hành vi lừa dối ông Kim hay SGB về xuất xứ hàng hoá

Qua các phân tích trên cho thấy SN không cố ý có hành vi giấu diếm hay lừa dối SGB, cũng không có những hành vi cố ý làm cho SGB nhầm lẫn, còn vì SGB đã biết xuất xứ từ China và đồng ý khi không có phản đối khiếu nại, còn cho rằng SN làm đúng. SN cũng không vi phạm quy định về xuất xứ khi không ghi trong HĐ, theo nguyên tắc tự do, tự nguyện khi thương lượng giao kết HĐ.

2.4. VỀ GIÁ BÁN MÁY & GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT:

Trước khi đánh giá về cáo buộc của SGB đối với SN và KMV, cần thiết tìm hiểu quy định của pháp luật điều chỉnh về giá các loại tài sản nói chung và cụ thể đối với máy in C1100 như thế nào.

- Luật Giá năm 2012 có hiệu lực từ ngày 01/01/2013:

+ Điều 4.4-Giá thị trường là giá hàng hóa, dịch vụ hình thành do các nhân tố chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định;>>> **do thị trường quyết định;**

+ Điều 4.5 Định giá: là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quy định giá cho hàng hóa, dịch vụ. >>> **tổ chức có quyền tự định giá cho hàng hóa dịch vụ của mình;**

+ Điều 4.6-Niêm yết giá: là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thông báo công khai bằng các hình thức thích hợp, rõ ràng và không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng đồng Việt Nam bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng, trên giấy hoặc trên bao bì của hàng hóa hoặc hình thức khác tại nơi giao dịch hoặc nơi chào bán hàng hóa, dịch vụ để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. >>>> **Bảng báo giá là hình thức niêm yết giá thích hợp, rõ ràng không gây nhầm lẫn về mức giá bán;**

Điều 4.8-Đăng ký giá ... điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá trong thời gian nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá. >>> **C1100 không nằm trong danh mục hàng hóa phải đăng ký giá, bình ổn giá;**



Điều 4.9- Kê khai giá: là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi thông báo mức giá hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc diện phải kê khai giá. >>>>> C1100 là hàng hóa không thuộc diện phải kê khai giá;

Điều 4.10- Bình ổn giá: là việc nhà nước áp dụng biện pháp thích hợp không để giá hàng hóa tăng quá cao hoặc quá thấp bất hợp lý... >>>> chỉ áp dụng cho hàng hóa thuộc danh mục bình ổn giá. >>>> C1100 không thuộc diện hàng hóa cần bình ổn giá;

Điều 4.12-Giá thành toàn bộ của hàng hóa: là giá thành tiêu thụ hàng hóa, bao gồm: giá thành sản xuất hàng hóa và chi phí lưu thông để đưa hàng hóa đến người tiêu dùng;

Điều 4.14 Giá biến động bất thường (tham khảo, không đọc, chỉ chuẩn bị để trả lời): là giá hàng hóa tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý khi các yếu tố hình thành giá không thay đổi lớn hoặc trong trường hợp khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh. >>> nhân tố thị trường, chính sách giá của nhà sản xuất, yếu tố cạnh tranh cho phép...

Điều 5- Nguyên tắc quản lý giá:

1. Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá; cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 6- Công khai thông tin về giá: tổ chức...sản xuất, kinh doanh hàng hóa thực hiện công khai thông tin về giá hàng hóa gắn với thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa đó bằng hình thức niêm yết giá. >>>> SN công khai giá bằng bảng báo giá (hình thức niêm yết giá) cùng thông số kỹ thuật cơ bản của máy in C1100.

Điều 10- Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá:

1. Đối với cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá, cán bộ công chức thuộc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá:

a) Can thiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực giá....

2. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:

b) Gian lận về giá bằng cách cố ý thay đổi các nội dung đã cam kết mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian, địa điểm, điều kiện mua, bán, chất lượng hàng hóa,... tại thời điểm giao hàng;

d) Các hành vi chuyển giá, thông đồng về giá dưới mọi hình thức để trục lợi (không đọc, chỉ tham khảo để chuẩn bị đối đáp)

Điều 11- Quyền của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:

1. Tự định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh, trừ hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. >>> KMV, SN cũng như các cá nhân, tổ chức khác có quyền tự định giá C1100.



2. Quyết định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu. >>>> SN có quyền định giá bán, cũng như SGB có quyền định giá mua.

5. Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá. >>>> SN, KMV có quyền điều chỉnh giá C1100, cũng coi là giảm giá đặc biệt mà không phải khuyến mại theo cáo buộc của SGB.

Điều 12- Nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh:

Khoản 5.b: Niêm yết giá: Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được mua, bán cao hơn giá niêm yết. >>>> SN, KMV thực hiện đúng nghĩa vụ, không bán cao hơn giá niêm yết.

6. Công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình theo quy định của pháp luật.

Luật thương mại

Điều 11- Nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong hoạt động thương mại:

1. Các bên có quyền tự do thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật, tuân phong mỹ tục và đạo đức xã hội để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó;

2. Trong hoạt động thương mại, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được thực hiện hành vi áp đặt, cưỡng ép, đe dọa, ngăn cản bên nào.

- Bảng báo giá 128 (ngày 14/10/2014) Sao Nam chào bán máy C1100, 01 bộ kèm theo các thiết bị đồng bộ, với giá 3.873.990.185 VND, giảm giá đặc biệt 20% (774.798.037 VND) ghi chú: giá bán bao gồm vận chuyển tận nơi, chi phí lắp đặt, hướng dẫn sử dụng và bảo hành 36 tháng (không bao gồm các loại vật tư tiêu hao) nhưng chưa bao gồm 10% thuế VAT.

- Ngày 20/10/2014, sau khi thương thảo, 2 bên tự nguyện ký kết HĐ038, theo đó SGB thỏa thuận ký kết hợp đồng mua máy với giá gồm VAT, là 3.409.111.200 VND.

Điều II HĐ038 ghi nhận, giá này bao gồm chi phí giao hàng, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng do Bên B chỉ định trong phạm vi TP. HCM, 01 bộ mực Toner, 01 bộ Developer, 4 ống Drum, 10% thuế GTGT.

- Về phương thức thanh toán: Cùng ngày 20/10/2014, SGB thanh toán đợt 1 (15%) là 511.366.680 VND cho Sao Nam. Còn lại thanh toán làm 02 đợt. Đợt 2 là 55% giá trị hợp đồng (1.875.011.160 VND) ngay thời điểm hàng hóa được giao đến địa điểm 474 – 476 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. HCM. Đợt 3 là 30% giá trị hợp đồng (1.022.733.360 VND) sau khi nghiệm thu nhưng không quá 90 ngày kể từ khi SGB nhận được hàng.

- Đây là thỏa thuận tự do, tự nguyện nhưng SGB sau khi tự phát hiện và cho rằng mình mua máy in của Sao Nam với giá đắt, giá bán in đắt, và cho rằng bị Sao Nam và KMV lừa dối, nên đã khởi



kiện cho rằng Sao Nam đã lừa dối SGB về nhiều vấn đề trong đó có vấn đề giá và khuyến mại giảm giá đặc biệt. Các căn cứ này kèm theo nhiều cáo buộc khác cùng các chứng cứ mà SGB nêu ra theo đơn khởi kiện, bao gồm:

+ Bản báo giá 128 (14/10/2014) của SN là 3.873.990.185 VND; Báo giá 97 (16/07/2015) của SN là 2.000.000.000 VND.

+ 2 chứng thư thẩm định giá của Công ty Thẩm định giá Sài Gòn: xác định Giá máy vào tháng 07/2014 và tháng 07/2015 không biến động và giá tài sản dao động khoảng $\pm 10\%$.

+ SGB đã mua máy từ nhà phân phối khác của KMV là Công ty CP Công nghệ Sài Gòn (STS) với giá gần 1.289.278.000đ.

Tôi có ý kiến như sau:

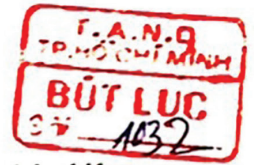
+ Căn cứ HĐ Nhà phân phối giữa KMV-SN có hiệu lực từ ngày 01/4/2014, căn cứ giá bán đề nghị của KMV gửi Sao Nam năm 2014 và năm 2015, trong đó có giá máy in C1100, thì giá Sao Nam chào bán theo Bản Báo giá 128, Bản báo giá 97, HĐ038, HĐ03 và PL01 là trong khung giá KMV đề xuất với Nhà phân phối Sao Nam.

Sao Nam chỉ bán theo giá đề xuất của nhà cung cấp. Sao Nam không quyết định chính sách giá của nhà phân phối khác.

Việc SGB dựa vào hai bảng báo giá máy C1100 của SN tại 2 thời điểm khác nhau vào tháng 9/2014 và tháng 7/2015, có sự chênh lệch giảm giá là 1,8 tỷ, để xác định bị Sao Nam lừa dối là không có căn cứ. Vì mức giá này SN đã công bố, niêm yết, báo giá cho khách hàng là theo và trong phạm vi đề nghị giá của KMV đối với SN là 1 trong các nhà phân phối của KMV. Việc công bố giá cũng là niêm yết giá là công khai, minh bạch, không gian dối che đậy. Việc ấn định giá bán, thay đổi giá bán vào thời điểm là quyền của Doanh nghiệp được nhà nước bảo hộ, việc mua là quyền của khách hàng, sao gọi là lừa dối.

SGB có quyền tham khảo thương lượng và quyết định việc mua máy theo giá mà SGB chấp nhận được. Sao Nam không có bất kỳ hành vi lừa dối nào, như che giấu, lừa dối giá bán, niêm yết một giá, lại bán giá khác.

- Về chứng thư thẩm định giá: Cần xét thời điểm và hoàn cảnh. Chứng thư thẩm định giá của Công ty CP thẩm định giá Sài Gòn lập vào tháng 07/2015, thời điểm việc thương thảo hoàn trả máy không thành và SGB chưa thanh lý HĐCTTC 03, máy còn thuộc quyền thuộc sở hữu của ACBL. Chứng thư này được Công ty Thẩm định giá Sài Gòn lập do SGB yêu cầu thông qua hợp đồng dịch vụ Thẩm định giá SGB ký với Công ty CP thẩm định giá Sài Gòn để chuẩn bị tài liệu, căn cứ khởi kiện Sao Nam về lừa đảo, lừa dối SGB về giá mua bán máy C1100. Đây không phải là chứng thư thẩm định giá tư pháp, nên không đảm bảo tính khách quan, không được Tòa án trung cầu, nên chỉ có giá trị tham khảo, không phải là chứng cứ đáng tin cậy. Chứng thư tự nó cũng ghi: "tài sản thẩm định là một máy in kỹ thuật số hiệu Konica Minolta, nhãn hiệu bizhub Press C1100, xuất xứ Nhật Bản (điều 2.2),... đã được đưa vào sử dụng từ tháng 12/2014, đến nay đã in được 176.114 bản. Các tài sản so sánh 1, 2 và 3 (máy C1100), không hề có ghi xuất xứ Nhật Bản, nhưng chứng thư thẩm định cũng vẫn ghi xuất xứ Nhật Bản. Tại điều V của chứng thư : Nhận xét và kiến nghị:



giá trị tài sản là giá trị tài sản tại thời điểm thẩm định. Chuyên viên định giá không chịu trách nhiệm khi các bên liên quan khác, như Ngân hàng, Cơ quan bảo hiểm,... sử dụng nó để quyết định giá thị trường.", thì làm sao Tòa án có thể sử dụng.

Chứng thư giám định vào T7/2015, mà SN đang lưu trữ thì không có thông tin được đánh dấu vàng ở trên. Xin LS cho biết những thông tin này được trích dẫn từ đâu ?

Tại chứng thư giám định vào T7/2015, có thể hiện việc xác định giá bán cho máy C1100 tại thời điểm T7/2014 là 1.900.000.000VNĐ. Điều này là hoàn toàn sai vì tại thời điểm đó máy C1100 chưa được giới thiệu và bán ra thị trường các nước kể cả Việt Nam.

- SGB đưa ra các tài liệu so sánh như Công ty CP In 474 do ông Lương Vĩnh Kim là CTHĐQT mua máy C1100 của STS (Công ty giải pháp công nghệ toàn cầu) theo HĐ mua bán máy in kỹ thuật số ngày 23/7/2015 gồm 3 máy in, trong đó có 1 máy in C1100 với giá gần 1.289.278.000đ, tổng cộng là 1.680.000.000đ (đã bao gồm 10% VAT). Bên bán cam kết máy bán cho bên B trong tình trạng mới 100%, riêng hệ máy màu C1100 sản xuất năm 2014. Giá máy trên là giá khuyến mãi dành cho khách hàng mua máy trong đợt triển lãm tháng 7/2015.

Trong HĐ ghi rõ giá bán máy này là giá khuyến mãi dành cho khách hàng mua máy trong đợt triển lãm tháng 07/2015.

Chúng tôi cũng cần xác định STS không phải là Sao Nam. Hay các doanh nghiệp khác cũng không phải là SN, nên mọi so sánh tham khảo dù khắp khiếm, nhưng không được tòa án xác minh, xác định tính xác thực, đều không thuộc các trường hợp được coi là chứng cứ.

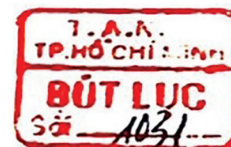
Chúng tôi biết rằng SGB mua máy của STS, nhưng sau đó Công ty 474 cũng đã bán máy này cho một doanh nghiệp khác, chứ không sản xuất kinh doanh với dòng máy in này sau khi mua.

Cho thấy việc mua máy này cũng chỉ để SGB có được những chứng cứ chứng minh gây bất lợi cho SN, khi SGB chuẩn bị hồ sơ kiện SN ra tòa, nên phải có rất nhiều thông tin cố ý gây bất lợi cho SN càng nhiều càng tốt, theo chủ ý của SGB.

Dù rằng có những vấn đề không liên quan đến yêu cầu tranh chấp trong vụ án này (như máy C1070P, mô hình Printing Shop, vai trò hỗ trợ thương mại của KMV mà SGB cố tình tung hỏa mù để gây nhầm lẫn, tác động đến niềm tin của dư luận, gây áp lực lên cán cân công lý, rằng SGB đã bị lừa dối đủ thứ, đủ thứ thiệt hại để thực hiện các mục đích sâu xa chưa có giới hạn, chưa có điểm dừng của SGB, hồng trực lợi với KMV như SGB từng tung tin (để đoạn sau, phần quan hệ SN-KMV)

- Tháng 10/2014 khác thời điểm tháng 07/2015. Chính sách giá của KMV với STS không xác định được giống hệt với Sao Nam. Máy bán tại triển lãm có chính sách khác các máy được mua bán khác. Do vậy việc so sánh sẽ không phù hợp và không phù hợp nguyên tắc quyền tự do thỏa thuận tự nguyện giao kết hợp đồng. Nhất là những HĐ mua bán này chưa được kiểm chứng là có thật.

- Án ST nhận định: giá 3,4 tỷ tại HĐ03 là do các bên tự nguyện thỏa thuận được ghi tại hợp đồng, phù hợp Điều 52 Luật Thương mại.



- SGB không đưa ra chứng cứ tin cậy để chứng minh Sao Nam cam kết bán rẻ 20% so với các nhà phân phối khác, hoặc chênh lệch giá 1,8 tỷ giữa 2 bảng báo giá nói trên là Sao Nam có sai phạm, là có hành vi lừa dối. Sao Nam không thể ép SGB mua với giá do SN ép buộc hay có hành vi che dấu lừa dối. SN không chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ gì khi quyết định giá bán máy C1100 sau đó 9 tháng cũng như trước đó 9 tháng trong phạm vi giá đề xuất của KMV. Trong phạm vi giá đề xuất của KMV, SN có quyền định giá bán và SGB có quyền quyết định mua hoặc không mua. *Lấy căn cứ nào SGB cho rằng SN lừa dối SGB về giá ?*. Do đó, Sao Nam cung cấp báo giá theo giá KMV đề nghị, báo giá của Sao Nam không vi phạm, và cũng không có một hành vi lừa dối chủ ý nào.

- QĐKNGĐT của Chánh án TANDCC tại TP. HCM số 50 ngày 22/09/2020 nhận định: "Sao Nam là nhà phân phối của KMV, được KMV ủy quyền báo giá và thực hiện đơn đặt hàng và trực tiếp với khách hàng, căn cứ khoản 2.1 Hợp đồng Nhà phân phối, giá bán của Sao Nam phải là giá KMV đề xuất".

Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện được Sao Nam chào giá bán này cho SGB là giá do KMV đưa ra và được niêm yết trên toàn quốc.

So sánh Báo giá 128 và 97: sau 09 tháng có chênh lệch 1,8 tỷ là không hợp lý. **Vậy cần làm rõ giá bán cho SGB có phải là giá do KMV đưa ra không. Phải xác minh việc khuyến mãi giảm giá 20% có được KMV đồng ý hay không mới xác định Sao Nam có lừa dối về giá.**"

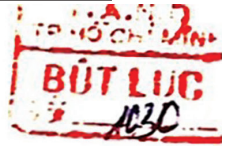
QĐGĐT của UBTP TANDCC tại TP. HCM nhận định: "So sánh hai bản chào giá chênh lệch 1,8 tỷ là bất hợp lý, Điều 2.1 Hợp đồng Nhà phân phối, giá bán phải thống nhất trên toàn quốc, niêm yết trên thị trường.

Tuy nhiên, Sao Nam là đại lý ủy quyền của KMV, lại không chào giá KMV niêm yết trên toàn quốc mà tự ý đưa ra giá bán có chênh lệch rất lớn là không trung thực trong giao kết hợp đồng, vi phạm Điều 6 BLDS 2005."

(Do đó, nên hỏi giá bán máy C1100 này có thuộc trường hợp phải niêm yết trên toàn quốc không. Niêm yết ở đâu là niêm yết trên toàn quốc thưa quý tòa ?

Thỏa thuận là ở đâu Sao Nam là đại lý của KMV. Căn cứ nào xác định giá Sao Nam chào và bán có phải tự ý không hay trong phạm vi giá do KMV đề xuất và làm đúng thỏa thuận theo Điều 2.1 Hợp đồng Nhà phân phối. Căn cứ đâu HĐXXGĐT lại nhận định và kết luận là Sao Nam không trung thực và tự ý, dù thực tế, luật, và các thỏa thuận với KMV đều cho phép Sao Nam bán giá trong phạm vi giá đề xuất của KMV)

Vậy Sao Nam bán giá trong phạm vi KMV đề xuất, giá này là thỏa thuận tự nguyện, tự ý. Do đó Sao Nam không có vi phạm gì về giá và giảm giá bán không thuộc chương trình khuyến mại của KMV, chỉ là hỗ trợ cho khách hàng đầu tiên của sản phẩm này. Các tài liệu liên quan so sánh không phải là chứng cứ, nên việc so sánh là không phù hợp, không đúng với quyền của doanh nghiệp về giá theo Luật giá.



Chúng tôi xác định SN bán máy in C1100 cho SGB là hoàn toàn công khai minh bạch, thuận mua vừa bán, không có gì là gian dối như cáo buộc của SGB và nhận định phiếm diện không căn cứ của QĐGĐT.

2.5. CHẤT LƯỢNG MÁY C1100

Máy từ sau khi nghiệm thu đã đưa vào hoạt động. Những hư hỏng được sửa chữa thay thế khắc phục. Sao Nam và SGB đã ký biên bản bàn giao máy, biên bản nghiệm thu ngày 30/03/2015. Máy đã được SGB đưa vào sử dụng cho đến khi SGB đòi trả lại máy do cho rằng bị lừa dối về giá bán, về bảo hành,... Đến 2017, SGB đã có các thỏa thuận với Sao Nam cung cấp vật tư thay thế và máy đã vẫn hoạt động.

Bản Án ST cũng đã không chấp nhận cáo buộc này của SGB.

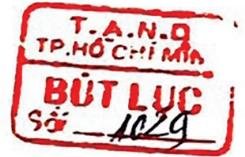
QĐKNGĐT đã nhận định: “máy khắc phục xong lỗi, đưa vào hoạt động thời gian ngắn thì phát sinh tranh chấp, và máy in ngừng hoạt động cho đến nay (22/09/2020)...Do đó cần phải trưng cầu giám định chất lượng máy để xác định chất lượng máy có đảm bảo đúng như thỏa thuận hợp đồng không mới có căn cứ xác định Sao Nam vi phạm Hợp đồng.”

Tại phiên Tòa phúc thẩm chiều ngày 22/4/2021, đại diện SGB rút cáo buộc là Sao Nam vi phạm chất lượng máy, với lý do không muốn kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Chúng tôi không tin rằng đây là thiện chí của SGB muốn HĐXX kết thúc nhanh gọn việc giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm. Ông Kim từng xác định là máy C1100 làm đúng HĐ, máy đã bàn giao, khi Thừa phát lại lập vi bằng cho thấy máy đã in trên 170.000 bản in. Thì làm sao có việc SN đã có hành vi lừa dối SGB trước khi bán máy để làm cho HĐ vô hiệu. Lỗi vi phạm HĐ dẫn đến hậu quả khác với lỗi làm cho HĐ vô hiệu, thưa Quý Tòa.

Tuy nhiên vấn đề không chỉ dừng lại ở cáo buộc của SGB là Sao Nam bán máy không đảm bảo chất lượng, vì ngay tại QĐKN dù có yêu cầu xác minh làm rõ vấn đề khác như Click Charge, giá mua bán khi giải quyết lại phúc thẩm, thì còn một vấn đề bất cập là khi giải quyết ở cấp sơ thẩm, rồi phúc thẩm lần thứ nhất, các cấp Tòa án không tiến hành thẩm định máy, nên không có cơ sở xác định máy còn hay không, không xác định tình trạng kỹ thuật của máy, có khấu hao tính giá trị còn lại của máy để giải quyết triệt để đúng đắn các tranh chấp trong vụ án. Đến hôm nay sau hơn 4 năm rưỡi, từ khi bản án PT có hiệu lực, SGB một mặt vẫn tiếp tục sử dụng máy, nên tỷ lệ khấu hao hiện nay không rõ ra sao. Mặt khác, SGB cho rằng máy bị hư hỏng, không sử dụng được nên máy đã được di chuyển để ở via hè tại địa chỉ 474 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02, Quận 3.

Chúng tôi ghi nhận việc QĐKN và QĐGĐT cũng có ý muốn giải quyết nhanh vụ án, nhưng khi quyết định QĐGĐT không nhận định việc thẩm định máy là rất cần thiết, thì đã bộc lộ sự bất cập, khi không xem xét toàn diện thấu đáo vụ án, không quan tâm đến việc cần thu thập thêm chứng cứ là thẩm định giá trị sử dụng của máy, định giá máy hiện nay theo hiện trạng để việc giải quyết mới triệt để, đúng pháp luật và thực tế, mới bảo vệ đầy đủ, kịp thời quyền lợi hợp pháp của các bên trong trường hợp tòa cho rằng HĐ vô hiệu vì lý do gì đó.

QĐGĐT thì nhận định “do đôi bên thỏa thuận trả lại máy, nhưng không thống nhất điều kiện trả máy, trả máy thu hồi máy hay mua lại máy, nên về mặt ý chí Sao Nam đã thừa nhận có những vi phạm trong việc mua bán máy in C1100, nên mới tìm giải pháp nhận lại máy trả lại tiền.”



Tôi cho rằng không có căn cứ nào chứng minh cho nhận định nói trên của QĐGĐT, vì trong sự thương lượng kèm theo đe dọa là Kiểm sát viên, nhân viên thuế của người đại diện SGB (như đã thừa nhận trong phần trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, trong khi lý lẽ của Sao Nam là có căn cứ vì người mua máy và đúng tên chủ sở hữu máy theo khẳng định của ACBL là máy vẫn thuộc quyền sở hữu của ACBL. Chúng tôi chỉ đồng ý mua lại máy vì không muốn ảnh hưởng đến thương hiệu, không muốn có những tranh chấp không cần thiết với khách hàng. Sau khi không thỏa thuận được về giải quyết trả lại máy với Sao Nam, thì SGB mới tiến hành thanh lý HĐCTTC và tiến hành mua máy từ ACBL theo giá của HĐCTTC ngày 14/8/2015.

2.6. CLICK CHARGE:

- Đơn khởi kiện của SGB: “Sao Nam không thông tin cho SGB biết việc mua bán máy in phải gắn liền với việc mua bán dịch vụ click charge và tuổi thọ máy in là 20 triệu bản in. Theo quy định của nhà sản xuất, hậu quả là máy C1100 hiện nay không hoạt động được vì không có phần click charge”.

- Án Sơ thẩm: Click charge là dịch vụ hậu mãi gồm cung cấp vật tư, phụ tùng chính hãng, bảo trì, sửa chữa, tư vấn kỹ thuật. Các dịch vụ này phải được lập thành hợp đồng riêng. Ngay từ lúc chào giá, Sao Nam đưa ra 2 phương án để áp dụng trong quá trình vận hành máy: Một là SGB tự mua vật tư, phụ tùng để sử dụng, hai là ký HĐ click charge để tính phí theo trang in. Nhưng SGB chọn cách thức là mua hàng trực tiếp từ Sao Nam để sử dụng, bằng chứng là các hóa đơn chứng từ mua vật tư, phụ tùng từ lúc lắp máy đến tháng 8/2015.

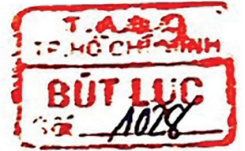
Tòa Sơ thẩm đã xác định Sao Nam, KMV không lừa dối SGB về dịch vụ click charge.

- QĐKNGĐT nhận định: “dịch vụ click charge là phần mềm được hoạt động đồng bộ theo máy, nếu không có dịch vụ click charge thì máy in không hoạt động được. Tại khoản 2.1 HĐNPP: Giá bao gồm:... và các phần mềm. Tuy nhiên khi Sao Nam bán máy in cho SGB lại tách riêng dịch vụ click charge ra không ghi vào hợp đồng, điều này cũng cần làm rõ quy định của KMV về vấn đề này như thế nào, từ đó mới có cơ sở xác định Sao Nam có lừa dối về dịch vụ click charge với khách hàng hay không?”

- QĐGĐT nhận định “Đây là phần dịch vụ kỹ thuật và thương mại tiếp diễn sau khi bàn giao máy (click charge bao gồm ...) được hoạt động đồng bộ theo máy, nếu không có click charge thì máy in C1100 không hoạt động được. Click charge do bên bán cung cấp và độc quyền nắm giữ mật khẩu, bên mua không thể tìm mua click charge trên thị trường. Điều 2.1 Hợp đồng Nhà phân phối. Chứng cứ là căn cứ hợp đồng với STS là đại lý ủy quyền bán máy cho Công ty CP in 474 giá 1.680.000.000đ ngày 23/07/2015, có cả phần click charge. Như vậy Sao Nam bán máy in C1100 lại tách riêng, không ghi vào hợp đồng là vi phạm Điều 180 BLDS. Điều này dẫn đến hậu quả từ khi xảy ra tranh chấp đến nay. Máy in C1100 không thể hoạt động được do không có click charge ràng buộc trong hợp đồng”.

Những nhận định trên của QĐKN và QĐGĐT là không có căn cứ và nhằm lẫn tai hại.

Như chúng tôi đã trình bày, HĐ giữa STS, với Cty 474 không phải do Tòa án thu thập, không có giá trị pháp lý, và được SGB tạo lập giao kết hòng làm bằng chứng sử dụng cho mục đích của SGB là chuẩn bị chứng cứ cho việc khởi kiện Sao Nam, nên mọi thông tin này không đảm bảo tính



khách quan, xác thực, do không được Toà xác minh làm rõ. Chứng cứ này cần phải xác định là có thực, là đúng. SN chưa bao giờ thừa nhận chứng cứ này, sao lại để dàng được cấp GĐT coi là chứng cứ để buộc trách nhiệm cho SN ?.

Như SN đã nhiều lần trình bày với các cấp Tòa án, dịch vụ click charge là dịch vụ nhằm tối đa hóa công suất máy in, căn cứ theo nhu cầu sử dụng thực tế của khách hàng. SN đã chứng minh rằng không do dịch vụ click charge thì máy in C1100 vẫn hoạt động bình thường bằng các ý kiến trong bản trình bày ý kiến ngày 28/4/2021 (dẫn chứng cụ thể).

Thưa quý Tòa, trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, chúng tôi SN đã tìm được email do bà Lưu Ngọc Thúy Vân là nhân viên kinh doanh của SN gửi cho ông Lương Vĩnh Kim -Giám đốc công ty Phát hành sách Sài Gòn, đề chào giá dịch vụ sau bán hàng, cụ thể:

Ngày 14/12/2014 trước khi ký kết HĐ03, SN đã gửi thư điện tử đến SGB đính kèm hai bản chào giá sau:

- Bản chào giá 156/CSM/14 ngày 10/12/2014 chào giá vật tư dùng cho máy C1100. Đây là bản chào giá cung cấp vật tư theo dạng mua đứt bán đoạn.
- Bản chào giá 157/CSM/14 ngày 10/12/2014 đề chào giá dịch vụ click charge. Đây là bản chào giá dịch vụ sau bán hàng có thể hiện đầy đủ các thành phần công việc, cách tính phí đầy đủ và chi tiết.

Từ chứng cứ nêu trên, trước khi ký HĐ03, SN đã cung cấp cho SGB đầy đủ thông tin cũng như đã biết được cách thức để SGB chọn lựa dịch vụ cung cấp vật tư để chạy máy C1100. Nên không thể xác định là SN đã cố tình lừa dối không thông báo dịch vụ click charge cho SGB trước khi giao kết hợp đồng HĐ03. Sau khi máy đi vào hoạt động, SGB không sử dụng dịch vụ click charge mà tự mình mua vật tư sử dụng máy, số bản in trên 200.000 bản in, thì sao nói rằng đây là phần mềm không thể tách rời, không có nó thì máy không hoạt động như nhận định của cấp GĐT được.

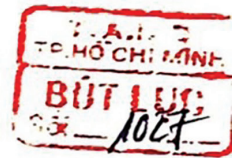
III. VỀ YÊU CẦU THẨM ĐỊNH MÁY IN, TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT, CHẤT LƯỢNG MÁY VÀ GIÁ TRỊ MÁY IN HIỆN NAY.

Sao Nam đã có đơn yêu cầu HĐXX và Sao Nam cũng đã đề nghị VKSNDTPHCM kiến nghị Tòa án thực hiện việc thẩm định, định giá máy in, để làm cơ sở, căn cứ cho việc giải quyết vụ án được đúng đắn, phù hợp thực tế khách quan và đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật, không xâm hại đến lợi ích hợp pháp của các đương sự.

HA: Không thẩm định máy, thì có căn cứ gì xác nhận máy in còn, và nếu máy in còn hiện nay để ở đâu ? HĐXX có chắc chắn máy in còn khi mình đang xem xét giải quyết không ?

HA: Tôi cho rằng Thẩm định máy, để có căn cứ vào đó HĐXX khi ra quyết định có tin được rằng máy vẫn hoạt động bình thường, không ảnh hưởng đến chất lượng và giá trị máy không thay đổi, nếu trong trường hợp kết quả thẩm định kết luận như vậy.

HA: Trong nhiều đơn thư khiếu nại, SGB cho rằng máy in đã từ lâu không hoạt động được, SGB phải tháo dỡ di dời và hiện đang để bên vỉa hè của căn nhà tại địa chỉ số 474 Nguyễn Thị Minh



Khai, phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. *Vậy thì máy in hiện nay ai dám bảo đảm vẫn còn nguyên giá trị như khi bàn giao máy ?.*

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HẬU QUẢ PHÁP LÝ CỦA HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU:

1/ Theo quy định tại Điều 137 BLDS 2005:

“1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản, giao dịch, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường”.

2/ Theo quy định của Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự (bao gồm cả tranh chấp KDTM, LĐ, hôn nhân gia đình) (thời điểm BLDS 1995 đang có hiệu lực), tuy BLDS 2005 có sửa đổi bổ sung, nhưng cơ bản vẫn là không làm phát sinh quyền nghĩa vụ các bên từ thời điểm giao kết, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.

Phần I Mục 2.4. Giải quyết hậu quả của HĐVH.

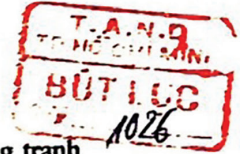
a) Xác định lỗi: khi tuyên bố HĐVH: Lỗi ở đây cần hiểu là lỗi của một bên hoặc của cả hai bên làm cho HĐ bị vô hiệu, chứ không phải là lỗi do vi phạm điều khoản thỏa thuận trong HĐ.

Việc SGB cho rằng SN lừa dối thông tin thời hạn bảo hành, xuất xứ hàng hóa, chất lượng máy, dịch vụ click charge, giá bán và giảm giá là không có như đã phân tích nêu trên. SN cũng không vi phạm quy định nào của pháp luật về việc bán máy C1100 cho SGB làm cho HĐ bị vô hiệu. SN không có lỗi, nên không chịu trách nhiệm gì mà SGB yêu cầu, chưa nói các thiệt hại của SGB nêu ra không phải do lỗi của SN gây ra.

Tại Tòa sơ thẩm và phúc thẩm lần thứ 1, Sao Nam và các cấp Tòa án không thẩm định máy không thấy được các thiệt hại hiện hữu của máy in, nên Sao Nam đã yêu cầu Tòa xử theo quy định của pháp luật, và Tòa đã xử lý Sao Nam và KMV có trách nhiệm liên đới nhận lại máy in, khi trả lại tiền đã nhận cho SGB.

Gần 5 năm đã trôi qua, tình trạng máy in hư hỏng, giảm giá trị là hiện hữu, đó là thiệt hại cho bên nhận máy in.

Luật quy định các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Vật là máy in phải còn nguyên trạng giá trị sử dụng và giá trị tài chính như tình trạng ban đầu hay không, chưa xác định được !. Tất nhiên Sao Nam sẽ không chấp nhận nhận lại máy, khi máy in không còn tình trạng ban đầu về giá trị sử dụng, không còn như lúc Sao Nam bàn giao máy in cho ACBL, và tất nhiên giá trị thành tiền của máy trong tình trạng hiện nay. Lúc tòa xét xử chung thẩm không còn như lúc các bên bàn giao máy, cần được xem là thiệt hại khi xử lý HĐVH hay thiệt hại mới phát sinh do quá trình giải quyết vụ án kéo dài.



Khi giải quyết vụ án, phát sinh này là thiệt hại, liên quan trực tiếp đối tượng chính trong tranh chấp, là tài sản khi xử lý hậu quả HĐVH. Tòa không thể không xem xét giải quyết, nếu không sẽ không đảm bảo vụ án được giải quyết trên cơ sở thực tế khách quan, không giải quyết vụ án toàn diện, chính xác, không bảo vệ đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Do không thể không xem xét giải quyết, cũng không thể tách ra thành một vụ án khác, nên việc giải quyết cần triệt để, mới đảm bảo việc thi hành án được, mới bảo vệ đầy đủ kịp thời các quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các bên trong vụ án.

IV/ Quan hệ pháp lý và trách nhiệm liên đới giữa SN và KMV có hay không?

SGB liên tục xác định SN là đại lý thương mại của KMV với mục đích để buộc SN và KMV chịu trách nhiệm liên đới theo các cáo buộc và yêu cầu của SGB.

SN khẳng định nhiều lần SN là NPP của KMV, SN không phải là đại lý thương mại của KMV như cáo buộc của SGB. Quan hệ nhà phân phối giữa KMV và SN dựa trên nhưng cơ sở pháp lý sau :

-Hợp đồng Nhà phân phối (HĐNPP) ký ngày 01/4/2014(bản tiếng Anh) hoặc là ngày 02/01/2014(bản tiếng Việt), cùng có hiệu lực từ ngày 01/4/2014: Theo các điều khoản điều kiện của HĐ này thì KMV xác định SN là NPP của KMV.

-Giấy chứng nhận phân phối ủy quyền ngày 19/01/2015 : Đại diện nhà sản xuất KMV xác nhận SN là NPPUQ của KMV.

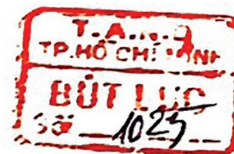
Theo mục 6:” Chứng nhận này có giá trị cho Công ty TNHH Thương mại-Tư vấn- Kỹ thuật Sao Nam chào hàng,cung cấp máy móc, thiết bị,vật tư linh kiện và dịch vụ cho sản phẩm hiệu Konica Minolta cho Quý khách và có hiệu lực đến hết ngày 19/01/2016.”

Cụ thể thông qua các giao dịch mua sản phẩm máy in và phụ tùng của SN với KMV như máy in C1100 và máy in C1070P và các phụ kiện; SN đã thanh toán cho KMV thông qua các HĐGTGT

Phân tích có hay không mối quan hệ pháp lý tay ba giữa KMV-SN-SGB;

SGB cho rằng KMV và SN có quan hệ đại lý thương mại, cấu kết thông đồng với nhau về giá bán lừa dối SGB: Chúng tôi xác định căn cứ các chứng cứ nêu trên, SN là NPP của KMV, HĐ 038 và HĐ 03 xác định bên bán là SN, không phải là đại lý đại diện cho KMV, các HĐ này không có liên quan gì đến KMV; Các hóa đơn thanh toán mua máy C1100 với KMV và Hóa đơn thanh toán của bên mua là SGB hay ACBL cho bên bán là SN, không liên quan đến KMV. Giá bán của SN cho SGB là do SN quyết định, giá bán này phù hợp theo biểu giá đề xuất của KMV theo HĐNPP chỉ giữa SN và KMV. S

SGB còn đưa ra những cáo buộc về sự liên quan của KMV vào giao dịch mua bán máy in C1100 giữa SN với SGB và ACBL, như mô hình Pringting shop, việc KMV đồng ý nhận lại máy in theo yêu cầu của SGB: chúng tôi cho rằng đây là những cáo buộc đơn phương không bằng chứng của SGB; các việc làm của KMV chỉ mang tính thương mại,nhằm mục đích hỗ trợ cho khách hàng , để bảo vệ thương hiệu của mình, không phải là những quan hệ pháp lý ràng buộc trách nhiệm của KMV (ngoài trách nhiệm về chất lượng máy hay bảo hành với tư cách là nhà sản xuất của các sản phẩm mang nhãn hiệu Konica Minolta.



Quy định của pháp luật về căn cứ phát sinh trách nhiệm liên đới :chi phát sinh theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên: KMV và SN không có thỏa thuận và không thuộc trường hợp pháp luật quy định.

Bản án sơ thẩm nhận định:”Xét theo thỏa thuận tại HĐNPP ngày 02/01/2014 có quy định KMV quyết định giá của sản phẩm KM tại thị trường VN.KMV chịu trách nhiệm về chất lượng, bảo hành của sản phẩm KM.Như vậy trường hợp giữa bên mua và bên cung ứng có tranh chấp về giá, chất lượng, bảo hành của sản phẩm KM thì KMV phải chịu trách nhiệm liên đới đối với các vấn đề trên”

Nhận định này của Án ST thật nguy hiểm vì đã xác định chỉ cần có tranh chấp là đã phát sinh trách nhiệm liên đới mà không từ bỏ trách nhiệm xem xét giải quyết các tranh chấp đó là thẩm quyền của Tòa án.Một lần nữa SN xác định HĐNPP là HĐ nội bộ riêng giữa SN và KMV; Giá bán của SN cho SGB do SN quyết định trên cơ sở giá đề xuất của KMV, KMV không có liên quan gì trong HĐ này, ngoài trách nhiệm của nhà sản xuất liên quan vấn đề bảo hành và chất lượng sản phẩm.Mọi điều khoản của HĐ 038, HĐ 03 đều không liên quan đến quyền và trách nhiệm của KMV, ngoài các liên quan về bảo hành và chất lượng máy như đã nói trên. Nên SN xác định KMV không có quyền và nghĩa vụ liên đới gì trong các HĐ này, cũng như SN không có trách nhiệm liên đới gì về chất lượng máy C1100 mà SN bán cho SGB (trách nhiệm thuộc nhà sản xuất) hay các hành vi nào khác của KMV theo cáo buộc của SGB.

V.KẾT LUẬN:

Thưa Quý Tòa và Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Từ những phân tch, đánh giá nêu trên,Tôi đề nghị HĐXX ;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Sao Nam: bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của SGB vì SN đã chứng minh Sao Nam hoàn toàn không có một hành vi nào là lừa dối khách hàng của mình là SGB; SGB về mặt chủ quan ý chí cũng thể hiện đã biết tất cả những nội dung của HĐMB, không có khiếu nại, phản đối và SGB cũng không đưa ra chứng cứ thuyết phục có căn cứ nào chứng minh SN đã có hành vi lừa dối SGB để giao kết HĐ, thực hiện HĐ.

Chúng tôi vẫn bảo lưu ý kiến về việc yêu cầu HĐXX cho tiến hành thẩm định máy và định giá máy in C1100 hiện nay để có căn cứ cho việc yêu cầu và giải quyết đúng đắn, triệt để toàn diện vụ án, đồng thời đảm bảo cho việc thi hành án được

Cảm ơn HĐXX và Kiểm sát viên .

Trân trọng

Luật sư Đỗ Đức Vân Hồng